

Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN - Động lực thúc đẩy tạo thuận lợi thương mại và cải cách thủ tục hành chính

Nguyễn Trần Huệ*

Cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ, để đảm bảo tính cạnh tranh, việc rút ngắn vòng đời sản phẩm hàng hóa là một yêu cầu sống còn. Các quốc gia và tổ chức kinh tế thế giới đều đang hướng tới xây dựng cơ chế một cửa nhằm tạo thuận lợi cho luồng thông tin được thông suốt, tránh những yêu cầu thông tin trùng lặp, giảm thủ tục giấy tờ để làm tăng tốc độ luân chuyển của hàng hóa, giảm thời gian và chi phí cho cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế cho toàn xã hội.

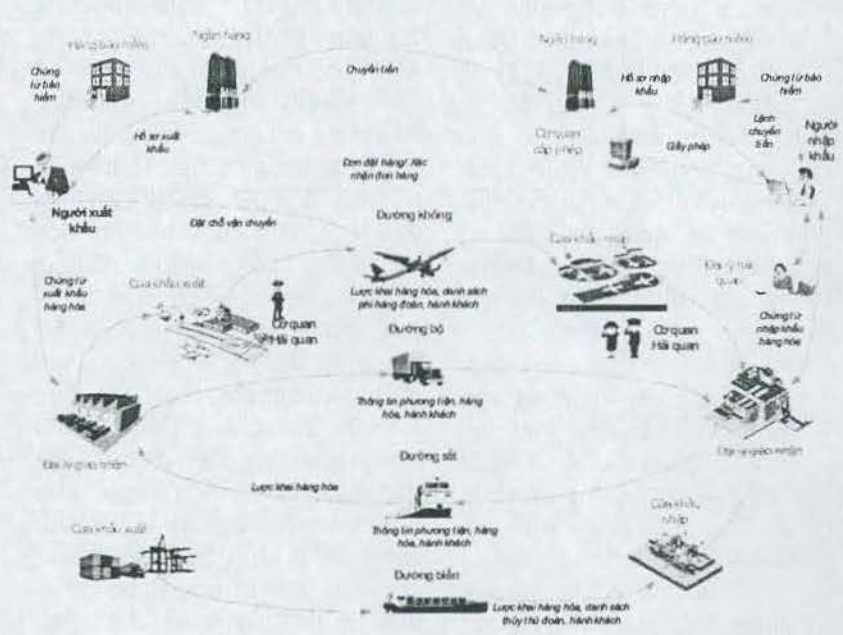
Along with booming of science and technology, the issue to ensure competitiveness, product life-cycle shortening is a survival. The national and world economic organizations are moving toward building one-stop shopping (OSS) mechanism in order to facilitate a smooth flow of information, avoiding duplication of information requests, reduce paperwork to speed up the movement of goods and reduce the time and cost to the business community and improve the economic efficiency of the whole society.

Cơ chế một cửa quốc gia là việc cho phép người khai hải quan gửi thông tin, chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua một hệ thống thông tin tích hợp. Cơ quan quản lý nhà nước quyết định cho phép hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; cơ quan hải quan quyết định thông quan, giải phóng hàng hóa trên hệ thống thông tin tích hợp. Việc thực hiện Cơ chế một cửa đã góp phần đẩy mạnh hoạt động thương mại quốc tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và là động lực quan trọng để thương mại điện tử đi vào cuộc sống. Với lợi ích mang lại, Cơ chế một cửa đang được triển khai rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới với nhiều mức độ, hình thức khác nhau mà đi đầu là các quốc gia phát triển như

Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Canada, Ausatralia. Phần lớn Cơ chế một cửa được xây dựng và vận hành trên cơ sở hệ thống thông tin tự động của cơ quan hải

quan và hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý khác trong mô hình kết nối tổng thể của hệ thống một cửa quốc gia qua đó hình thành “Công thông tin điện tử duy nhất” cho việc nộp và xử

Sơ đồ: Chứng từ cơ bản trao đổi giữa các bên trong chuỗi dây truyền thương mại quốc tế



* Tổng cục Hải quan

lý tất cả các dữ liệu và tài liệu dưới dạng điện tử liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện, hành khách; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của quốc gia đó.

Tuy cùng hướng đến một mục tiêu nhưng tùy theo hoàn cảnh, xuất phát điểm và nhu cầu quản lý của từng nước, trên thế giới hiện nay có một số mô hình triển khai cơ chế một cửa khác nhau. Thực tế cho thấy, quốc gia nào lựa chọn được mô hình phù hợp sẽ đẩy nhanh được tiến trình triển khai cơ chế một cửa quốc gia. Điều này cũng rất quan trọng với Việt Nam khi chúng ta đang đẩy mạnh thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đáp ứng các cam kết quốc tế, thực hiện Nghị quyết số 19 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia.

Để thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, các bên tham gia trong chuỗi dây chuyền thương mại phải thực hiện một loạt các giao dịch thương mại phức tạp.

Nếu như trước đây, các thủ tục trong thương mại quốc tế chủ yếu thực hiện bằng giấy tờ thủ công. Chỉ riêng thực hiện thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước, hàng ngày, các doanh nghiệp trên thế giới phải chuẩn bị và nộp cho các cơ quan quản lý nhà nước những hồ sơ cung cấp thông tin giống nhau và lặp lại nhiều lần gây ra sự lãng phí lớn về mặt thời gian và tài chính.

Chính phủ Australia đã thống kê trước khi triển khai cơ chế một cửa quốc gia có tổng số 64 cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó có 41 cơ quan thu thập thông tin trực tiếp từ doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tham gia hoạt động thương mại

và vận chuyển. Rất nhiều trong số các cơ quan này đóng vai trò cấp phép. Tổng số chỉ tiêu dữ liệu là 7.649 (data elements) được thu thập từ 275 mẫu giấy (paper forms).

Quá trình hài hòa hóa tại Australia đã xác định các thành phần dữ liệu trùng lặp giữa các cơ quan và đã cắt giảm xuống còn 3.993. Hài hòa hóa các yêu cầu dữ liệu giữa 41 cơ quan đã xác định được một tập dữ liệu cốt lõi là 673 thành phần dữ liệu.

Tương tự, cơ quan bảo vệ biên giới và hải quan Hoa Kỳ (CBP) đã hoàn thành quá trình hài hòa hóa dữ liệu với sự tham gia của 23 cơ quan chính phủ. Hơn 10.000 thành phần dữ liệu

Việt Nam đang bước vào chủ động hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Những kết quả đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nếu như năm 2007, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam là 157 tỷ USD (trong đó xuất khẩu là 72,2 tỷ USD và nhập khẩu là 84,8 tỷ USD), thì tới năm 2015 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã tăng hơn 2 lần đạt 327,5 tỷ USD (trong đó nhập khẩu là 165,5 tỷ USD và xuất khẩu là 162 tỷ USD).

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn 2010 - 2015

Năm	XUẤT KHẨU		NHẬP KHẨU		XUẤT - NHẬP KHẨU	
	Kim ngạch (Triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng (%)
2010	72.237	26,5	84.839	21,3	157.075	23,6
2011	96.906	34,2	106.750	25,8	203.656	29,7
2012	114.529	18,2	113.780	6,6	228.310	12,1
2013	132.033	15,3	132.033	16,0	264.065	15,7
2014	150.217	13,8	147.849	12,0	298.066	12,9
2015	162.017	7,9	165.570	12,0	327.587	9,9
10 tháng/2016	143.901	7,0	140.655	2,2	284.556	4,6

Nguồn: Tổng cục Hải quan

được thu thập. Kết quả đã hài hòa hóa và chuẩn hóa lại thành xấp xỉ 500 thành phần dữ liệu. Quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Việc phân tích khoảng cách giữa Hệ thống dữ liệu thương mại quốc tế ITDS (Cơ chế một cửa Hoa Kỳ) và Mô hình dữ liệu của WCO (Tổ chức Hải quan thế giới) vẫn đang được thực hiện để đưa ra các hành động phù hợp nhằm đảm bảo ITDS phù hợp với Mô hình dữ liệu WCO.

Theo đó, số lượng tờ khai hải quan cũng tăng lên tương ứng.

Như vậy, các lợi ích chính có thể kể đến khi triển khai Cơ chế một cửa quốc gia là:

- Thủ tục hành chính rõ ràng, minh bạch;
- Giảm số lượng chứng từ phải nộp, luân chuyển giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước và giữa các doanh nghiệp;



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Thống nhất về phương pháp, tiêu chí giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

- Giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp, người dân và các cơ quan quản lý nhà nước;

- Các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có bước phát triển trong áp dụng công nghệ quản lý hiện đại, tiếp cận chuẩn mực quốc tế;

- Là tiền đề cho cải cách các thủ tục hành chính có liên quan.

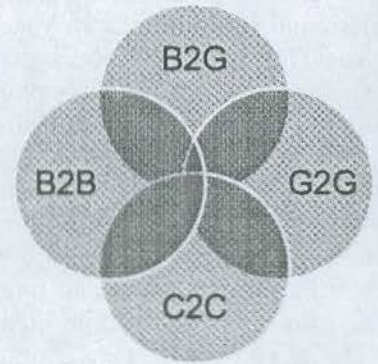
Để cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện cam kết quốc tế, Việt Nam đang đẩy mạnh triển khai cơ chế một cửa quốc gia. Theo đó, các quy định pháp lý được hoàn thiện, hệ thống Công thông tin một cửa quốc gia được xây dựng, triển khai kết nối với hệ thống thông tin của các Bộ, ngành và các nước ASEAN.

Việc triển khai cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN bước đầu đã mang lại hiệu quả nhất định: Nếu như trước đây, một phương tiện vận tải (tàu biển, máy bay, ô tô, tàu hỏa) đến và rời Việt Nam chủ yếu thực hiện thủ tục thủ công bằng giấy tờ với nhiều cơ quan có liên

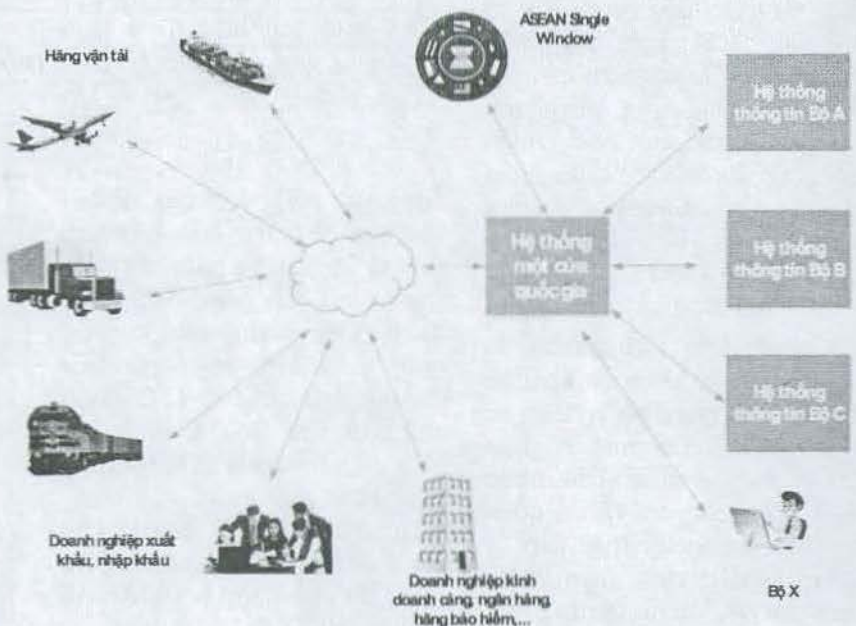
quan, khi triển khai Cơ chế một cửa, sẽ được thực hiện bằng thủ tục điện tử tại một Công hành chính duy nhất trên mạng. Kết nối thực hiện cơ chế một cửa ASEAN, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thay vì được cấp và nộp bằng thủ công sẽ được cấp và tự động luân chuyển giữa các nước ASEAN bằng phương thức điện tử.

Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là bước đầu, chúng ta mới chuyển được một phần các thủ tục B2G (Thủ tục giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước) và thủ tục G2G (Thủ tục giữa

các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan quản lý nhà nước) từ thực hiện thủ công sang thực hiện bằng phương thức điện tử. Để tạo thuận lợi cho cả chuỗi dây chuyền thương mại, thủ tục của tất cả các bên liên quan đều cần phải thực hiện bằng phương thức điện tử mức độ 4, cụ thể:



- Mở rộng thực hiện các thủ tục B2G: Mới chỉ một phần nhỏ các thủ tục hành chính được đưa lên Công thông tin một cửa quốc gia. Trong thời gian tới các Bộ, ngành cần tiếp tục triển khai các thủ tục hành chính thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia;



- *Mở rộng thực hiện các thủ tục G2G*: Các cơ quan quản lý nhà nước phần nhiều đang kết nối, xử lý thông tin với Công thông tin một cửa quốc gia một cách riêng rẽ. Các chứng từ điện tử chưa được luân chuyển, sử dụng một cách hiệu quả. Đơn cử: Giấy chứng nhận đăng kiểm chất lượng xe cơ giới của Bộ Giao thông vận tải cấp trên Công thông tin một cửa quốc gia chưa được sử dụng trong thủ tục cấp phép của cơ quan Công an và nộp thuế của cơ quan Thuế;

- *Triển khai thực hiện các thủ tục B2B (Thủ tục giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp)*: Trong chuỗi dây chuyền thương mại, thủ tục với các cơ quan quản lý chỉ chiếm một phần nhỏ, đa phần trong số đó là thủ tục giữa người xuất nhập khẩu với hãng bảo hiểm; giữa người xuất nhập khẩu và hãng vận tải; giữa hãng vận tải và doanh nghiệp kinh doanh cảng; giữa người xuất nhập khẩu

- doanh nghiệp kinh doanh cảng - ngân hàng,... Để tất cả các bên nêu trên có một môi trường điện tử trao đổi, xử lý thông tin chung là một nhiệm vụ khi triển khai Cơ chế một cửa quốc gia;

- *Triển khai thực hiện các thủ tục C2C (Thủ tục giữa các quốc gia)*: Các chứng từ điện tử được cấp trong nước: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa, giấy phép phương tiện xuất cảnh,... được các quốc gia khác chấp nhận là một trong các mục tiêu triển khai Cơ chế một cửa quốc gia trong thời gian tới.

Với quyết tâm đẩy mạnh triển khai cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chính phủ điện tử nói chung và Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN nói riêng, với sự ủng hộ của rộng rãi cộng đồng doanh nghiệp và có những bước đi, giải pháp phù hợp chắc chắn

trong thời gian tới Việt Nam sẽ tiếp tục có những bước tiến về năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển bền vững trên thương trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

Hướng dẫn số 1: How to build a Single Window environment của Tổ chức Hải quan thế giới.

Key factors in establishing Single window for handling import/export procedures and formalities: Trade facilitation and the Single window của Economic and Social Commission for Western Asia (ESCWA) năm 2011.

Khuyến nghị số 34 về đơn giản hóa và chuẩn hóa dữ liệu trong thương mại quốc tế.

Số liệu thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 10 tháng đầu năm 2016 của Tổng cục Hải quan.

Kinh nghiệm ứng dụng Basel trong quản trị...

hành chấm điểm xếp hạng doanh nghiệp mà không xuất phát từ yêu cầu của doanh nghiệp.

Khi đó, điểm xếp hạng sẽ do những công ty này cung cấp sẽ không chính xác do thông tin về doanh nghiệp chưa đầy đủ và như vậy sẽ bất lợi cho doanh nghiệp. Mặt khác, trong phương pháp đánh giá rủi ro hoạt động cũng còn nhiều vấn đề như phương pháp ngân hàng tự đánh giá quá phức tạp, phương pháp chuẩn hóa với các chỉ tiêu cơ bản không gắn chặt với rủi ro, đem cộng gộp rủi ro tín dụng với rủi ro hoạt động.

Mặc dù tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu vẫn giữ mức 8% nhưng trên

thực tế, các ngân hàng phải duy trì mức vốn cao hơn so với mức quy định ở Basel I bởi các ngân hàng phải bổ sung thêm vốn để dự phòng các rủi ro hoạt động. Điều này sẽ cực kỳ bất lợi cho các ngân hàng Việt Nam vì rủi ro hoạt động thấp hơn các ngân hàng quốc tế lớn nhưng lại vẫn phải áp dụng chung một mức vốn dự phòng rủi ro hoạt động là 20% tổng doanh thu.

Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá rủi ro nội bộ cũng khá phức tạp đối với các tổ chức tín dụng ở các nước đang phát triển. Để áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro hiện đại, các tổ chức tín dụng Việt Nam

(Tiếp theo trang 51)

sẽ phải đầu tư rất lớn cho ngân hàng của mình.

Tài liệu tham khảo:

Daniel, F. Norden, L., and Martin, W.2010, "Loan growth and riskiness of banks", Journal of banking and finance, vol 34, pp.217-228.

Hiệp ước BASEL về vốn mới (2005), Ủy ban BASEL về giám sát ngân hàng của ngân hàng thanh toán quốc tế.

Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Zribi, N. and Boujelbène (2011), "The factors influencing bank credit risk: The case of Tunisia", Journal of Accounting and Taxation, Vol.3, No.4, pp. 70-78.